

Gửi các em HS khối 8 thân mến!

Dưới đây là tổng hợp kiến thức cơ bản khối 8 từ tuần 22 đến tuần 25 mà các thầy cô đã tổng hợp và gửi tới các em. Các em hãy đọc kỹ từng phần, làm bài tập trong đề cương và gửi Mail cho Gv dạy trực tiếp của lớp mình để thầy cô sửa bài và chấm điểm cho các em nhé! Hãy chăm chỉ học tập để đạt kết quả tốt nhất nhé các em!

Thầy Điệp: tinhhha215@gmail.com

Cô Hoa : Lethinhuhhoa2017@gmail.com

Cô Thúy Nga: phamthuynga210@gmail.com

Cô Lê Nga: Lenga6267@gmail.com

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN : NGỮ VĂN 8

THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP

I/ TÌM HIỂU BÀI

1. Giới thiệu một phương pháp (cách làm)

* VD SGK

- Thường có 3 phần:
 - + Nguyên liệu.
 - + Cách làm.
 - + Yêu cầu thành phẩm. (Sản phẩm làm ra, chất lượng).

=> lời văn trình bày ngắn gọn.

2/ Thứ tự trình bày

Cách làm phải trình bày theo trình tự thao tác và cách thức thao tác.

II/ BÀI HỌC

1/ Người viết phải tìm hiểu, nắm chắc phương pháp (cách làm) đó.

2/ Khi thuyết minh cần trình bày rõ điều kiện, cách thức, trình tự ... làm ra sản phẩm và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm đó.

=> lời văn trình bày ngắn gọn.

* Ghi nhớ (sgk / 26)

II/ LUYỆN TẬP

Bài 1. Giới thiệu cách làm đèn ông sao.

* Cách thực hiện.

+ Làm khung.

- Buộc 5 thanh lồng vào nhau thành hình ngôi sao 5 cánh. Như vậy đc 2 hình sao 5 cánh.

- Ráp 2 hình sao lại với nhau và buộc chặt ở 5 đầu cánh sao.

- Lấy 5 que tre ngắn chống 5 góc của cánh sao. Ta được khung của đèn.

2. Bài 2:

- Các cách đọc: đọc thành tiếng và đọc thầm.

- Các phương pháp đọc.

+ Đọc từ.

+ Đọc ý

- Hiệu quả : thu nhận được nhiều thông tin, tốn ít thời gian.

TỨC CẢNH PÁC BÓ

(Hồ Chí Minh)

I. ĐỌC HIỂU CHU THÍCH

1/ Tác giả

Hồ Chí Minh(1890-1969) Nhà văn, nhà thơ, chiến sĩ cách mạng, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

2/ Tác phẩm

Tháng 2/ 1941

Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt, viết bằng tiếng Việt.

- PTBD: Tự sự - biểu cảm.

3/ Bố cục: 2 phần:

+ Đ1: 3 câu đầu => cảnh sống của Bác ở Pác Bó.

+ Đ2: Câu cuối => tâm trạng của Bác.

II/ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1/ Hiện thực cuộc sống của Bác ở Pác Bó.

- Giọng thoải mái, ung dung, tả thực cuộc sống của Bác.

- Bữa ăn: cháo ngô, rau măng.

=> Cuộc sống nhiều gian khổ, thiếu thốn.

- Công việc: dịch sử Đảng, trên phiếm đá

=> ĐK thiếu thốn, gian khổ Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung tự tại trong mọi hoàn cảnh.

=> Hình tượng người chiến sĩ CM hiện lên chân thực, sinh động mang tầm vóc lớn lao.

2/ Tâm trạng của Bác khi sống ở hang Pác Bó.

- Niềm vui lớn của Bác là được trở về lãnh đạo phong trào CM cứu dân, cứu nước.

- Câu thơ hóm hỉnh toát lên tinh thần ung dung, tự tại, lạc quan của Bác. Tinh thần vượt lên hoàn cảnh.

=> H/a người CS thật đẹp, thật sang chữ “sang” kết thúc làm cho nó có thần tỏa sáng toàn bài.

III/ TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật:

Ngắn gọn, hàm súc.

- Vừa cổ điển truyền thống vừa mới mẻ hiện đại.

- giọng vui đùa, hóm hỉnh, tạo tứ thơ độc đáo, bất ngờ, thú vị và sâu sắc.

2. Nội dung và ý nghĩa VB: Bài thơ thể hiện cốt cách tinh thần Hồ Chí Minh luôn tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng.

* **Ghi nhớ.**

(SGK/ 30)

THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH

I/ Giới thiệu một danh lam thắng cảnh.

VD.

- Cung cấp kiến thức lịch sử của 2 đối tượng:
 - + Hồ Hoàn Kiếm.
 - + Đền Ngọc Sơn.
- Phải có kiến thức sâu rộng về: địa lí, lịch sử, văn học, văn hóa, nghệ thuật....
- Tham quan, quan sát, tra cứu, hỏi han.
- Bố cục 3 phần:
 - + Mở bài .
 - + Thân bài .
 - + Kết bài .
- Phương Pháp thích hợp. Lời văn chính xác, biểu cảm.

II/ BÀI HỌC

- Cần phải thăm thú, quan sát hoặc tra cứu sách vở, hỏi han những người hiểu biết về nơi ấy.
- Có đủ 3 phần cần có miêu tả bình luận cho bài văn hấp dẫn hơn tuy nhiên bài viết phải dựa trên cơ sở đáng tin cậy và phương pháp thích hợp.
- * **Ghi nhớ** : (sgk/ 34)

III/ LUYỆN TẬP

Hs làm bài tập SGK

ÔN TẬP VĂN BẢN THUYẾT MINH

I/ Ôn tập kiến thức

1. Yêu cầu

- Phải có tri thức, kiến thức về đối tượng .
(tri thức
Có đc từ việc học tập tích lũy hằng ngày.)
- Phải làm nổi bật đặc điểm cơ bản của đối tượng.

2. Phương pháp thuyết minh.

- Nêu định nghĩa.
- Liệt kê.
- Nêu ví dụ cụ thể.
- Dùng số liệu.
- So sánh, đối chiếu.
- Phân tích, phân loại.

II/ LUYỆN TẬP.

HS làm bài tập SGK

ĐỀ THAM KHẢO BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5

Đề 1

Thuyết minh về kính đeo mắt .

Đề 2

Giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở quê hương em .

Dàn bài :

1. Mở bài :

- Mỗi đồ vật có một tác dụng nhất định .
- Chiếc kính có rất nhiều công dụng đối với đời sống con người .

2. Thân bài :

a. Nguồn gốc :

- Ra đời đầu tiên ở Ý vào năm 1260 chuyên dành cho thầy tu và quý tộc .
- Từ Ý kính đeo mắt được du nhập tới Pháp , Anh , Tây Ban Nha rồi phổ biến khắp thế giới .

b. Lịch sử phát triển :

- Ban đầu chỉ nối với nhau bởi cầu mũi rồi được buộc vào tai bằng dây ruy-băng
- Năm 1730 gọng kính được phát minh

c. Cấu tạo :

- Mắt kính chia làm hai loại (Thủy Tinh và Nhựa)
- Gọng kính : + Gọng kim loại giúp tạo cảm giác cứng cáp và chắc .
- + Gọng nhựa dẻo và bền có thể chịu được áp lực lớn mà không bị cong và biến dạng
- + Gọng ti – tan rất nhẹ có thể bẻ cong mà không gãy
- ➔ Tất cả các loại gọng đều có rất nhiều màu sắc và kiểu dáng .

d. Tác dụng :

- Làm kính thuốc : dùng cho người có bệnh về mắt chẳng hạn như cận thị
- Kính râm là kính bảo vệ mắt khi đi ra ngoài trời .
- Kính thời trang là vật trang điểm, tạo dáng cho mắt và khuôn mặt .
- Các loại kính chống tia tử ngoại , tia UV...

3 . Kết bài :

Khẳng định vai trò của kính đeo mắt đối với cuộc sống con người .

Hs làm thành bài văn hoàn chỉnh cho các đề bài trên

CÂU CẦU KHIẾN

I. Đặc điểm hình thức và chức năng

**Ví dụ:*

1. a, Thôi đừng lo lắng. Cứ về đi.

b, Đi thôi con.

** Nhận xét*

- Có những từ cầu khiến: đừng, đi, thôi.

- Dùng để :

+ khuyên bảo (1)

+ yêu cầu (2, 3).

2. a, Mở cửa. -> trả lời câu hỏi (câu trần thuật).

b, Mở cửa! -> đề nghị, ra lệnh (Câu cầu khiến)

- **Câu cầu khiến:**

+ có những từ cầu khiến hay ngữ điệu cầu khiến.

+ chức năng: khuyên bảo, yêu cầu, đề nghị...

+ thường kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm.

* Ghi nhớ: SGK/31

II. Luyện tập

HS làm các bài tập ở SGK

NGẮM TRĂNG

(Vọng nguyệt)

- Hồ Chí Minh -

I. Đọc- chú thích

1. Chú thích

a. Tác giả

- Hồ Chí Minh (1890-1969), là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là nhà văn hóa lớn, là nhà cách mạng, nhà văn, nhà thơ... Cả cuộc đời Người hi sinh cho dân tộc Việt Nam...

b. Tác phẩm

- Nhật kí trong tù viết 1942, khi Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam và giải đi gần ba mươi nhà lao thuộc 13 huyện của tỉnh Quảng Tây (TQ).

- NKTT được viết bằng chữ Hán gồm 133 bài và một bài đề từ.

- Ngắm trăng trích trong NKTT.

c. Từ khó.

2. Đọc

3. Tìm hiểu chung.

- Thể thơ : thất ngôn tứ tuyệt.
- Bản dịch của Nam Trân : thơ tứ tuyệt.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Hai câu thơ đầu

- *Trong tù không rượu cũng không hoa*

-> Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh rất đặc biệt: trong tù, thân tù, lại không có rượu có hoa để thưởng nguyệt.

- Bác không nói đến rượu và hoa như là những nhu cầu sinh hoạt bình thường của con người mà chỉ nói cái cần đối với thi nhân.

- *Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*

(*Đối thử lương tiêu nại nhược hà?*)

-> Tâm trạng xúc động, xôn xang, bồi rối trước cảnh đêm trăng đẹp.

-> Bác là người yêu thiên nhiên một cách say mê, rung động mãnh liệt trước vẻ đẹp của thiên nhiên (đó chính là tâm hồn nghệ sĩ của Bác).

2. Hai câu sau

- *Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ*

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(*Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt*

Nguyệt tòng song khích khán thi gia)

-> Nghệ thuật nhân hóa, cấu trúc đối xứng, đối trong từng câu và đối hai câu với nhau. Ở mỗi câu chữ chỉ người và chữ chỉ trăng được đặt ở 2 đầu, giữa là cửa nhà tù, nhưng có sự đảo ngược: câu trên theo trật tự người - trăng câu dưới theo trật tự trăng - người.

-> Làm nổi bật tình cảm song phương đều mãnh liệt của cả người và trăng, cả hai đều chủ động tìm đến giao hòa cùng nhau.

-> Thể hiện tình yêu trăng tha thiết của Bác, Bác coi trăng như người bạn tri âm tri kỉ.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Bài thơ tứ tuyệt, giản dị mà hàm súc.
- Cấu trúc đối xứng.

- Vừa mang màu sắc cổ điển vừa mang tinh thần thời đại.

2. Nội dung:

Bài thơ cho thấy tinh thần yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ.

ĐI ĐƯỜNG

(Tẩu lộ)

- Hồ Chí Minh-

I. Đọc- chú thích

1. Chú thích

2. Đọc

3. Tìm hiểu chung.

- Thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt.

- Bản dịch của Nam Trân: thơ lục bát.

II. Đọc hiểu văn bản

Câu 1:

Đi đường mới biết gian lao

(Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan)

-> Lời thơ giản dị chân thực nhưng mang nặng suy tư nói lên nỗi gian lao khổ cực của người đi đường (đi giải lao). Câu thơ như sự đúc rút trải nghiệm thực tế.

Câu 2:

- Núi cao rồi lại núi cao trập trùng

(Trùng san chi ngoại hiệu trùng san).

-> Điệp ngữ, phụ từ -> nhấn mạnh, khẳng định con đường Bác phải trải qua đầy khó khăn gian khổ, những dãy núi cứ nối tiếp trùng điệp tưởng chừng như không dứt.

Câu 3:

- Núi cao lên đến tận cùng

(Trùng san đặng đảo cao phong hậu)

- Câu thơ chuyển mạch. Bao nhiêu núi non trùng điệp và khó khăn chông chất đều đã vượt qua. Người đi đường cuối cùng đã lên đến đỉnh cao -> đó là quy luật của tự nhiên.

Câu 4:

- Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non

(Vạn lí dư đồ cố miện gian)

-> Niềm vui sướng đặc biệt, bất ngờ của người đã trèo qua bao dãy núi vô vàn gian lao -> một phong thái ung dung làm chủ thiên nhiên đất trời.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Bài thơ thiên về suy ngẫm, triết lí và không nặng nề, khô khan.

- Sử dụng điệp ngữ có hiệu quả cao, hình tượng thơ vừa có ý nghĩa xác thực vừa có ý nghĩa biểu tượng gợi liên tưởng sâu xa.

2. Nội dung:

Bài thơ có hai lớp nghĩa:

- Nghĩa đen: Nói về đi đường núi, đi giải lao của Bác đầy gian lao, vất vả

- Nghĩa bóng: ngụ ý sâu xa về đường đời của mỗi con người và con đường cách mạng. Bác Hồ muốn nêu lên một chân lí, một bài học rút ra từ thực tế: Con đường đời, con đường CM không bằng phẳng mà chông chất khó khăn, gian lao, nhưng nếu thiếu kiên trì, bền gan vững chí vượt qua thì nhất định sẽ đạt tới đỉnh cao thắng lợi vẻ vang. Bài thơ mang tính triết lí sâu sắc.

* ***Ghi nhớ/ SGK/40***

CÂU CẢM THÁN

I. Đặc điểm hình thức và chức năng

1. Ví dụ:

a. *Hỡi ơi lão Hạc!*

b. *Than ôi!*

2. Nhận xét

- Hình thức:

+ có từ ngữ cảm thán: hỡi ơi, than ôi

+ có dấu chấm than.

- Chức năng: bộc lộ cảm xúc của người nói.

* **Ghi nhớ:SGK/44**

II. Luyện tập

HS làm các BT ở sgk

Văn bản: CHIẾU DỜI ĐÔ

- Lý Công Uẩn -

I. Đọc- chú thích

1. Chú thích

a. Tác giả

- Lý Công Uẩn (974-1028) tức Lí Thái Tổ, là người thông minh, nhân ái, có chí lớn, có công sáng lập vương triều nhà Lí.

b. Tác phẩm

- Hoàn cảnh ra đời :1010 vua Lí Thái Tổ có ý định dời đô Hoa Lư đến Đại La.

- Thể loại :

+Chiếu là thể văn do vua viết để ban bố mệnh lệnh cho nhân dân, đó thường là những chủ trương, đường lối, nhiệm vụ mà vua nêu ra và yêu cầu nhân dân thực hiện.

+Chiếu dời đô được viết bằng văn xuôi chữ Hán, có xen câu văn biền ngẫu.

- Phương thức biểu đạt : nghị luận

- Vấn đề nghị luận: sự cần thiết phải dời đô.

- Các luận điểm :

+Nêu sử sách làm tiền đề.

+Soi sử sách vào tình hình thực tế.

+Khẳng định Đại La là nơi tốt nhất để định đô.

c. Từ khó.

2.Đọc

II. Đọc hiểu văn bản

1. Viên dẫn sử sách làm tiền đề.

- Nhà Thương 5 lần dời đô, nhà Chu 3 lần dời đô vì muốn đóng đô ở những nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn -> vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh.

=> Viên dẫn sử sách Trung Quốc có nhiều đời vua cũng từng dời đô để mưu toan nghiệp lớn và đã đem lại những kết quả tốt đẹp: vương triều phồn thịnh đất nước vững bền, Lí Công Uẩn muốn nói đến việc chuẩn bị dời đô của mình là không có gì khác thường, trái với quy luật.

2. Soi sử sách vào tình hình thực tế.

- Nhà Đinh, Lê không noi theo dấu cũ -> triều đại không được lâu bền, số vận ngắn ngủi.

=> Việc dời đô là tất yếu.

-> Bên cạnh lí lẽ văn có tính chất tâm tình -> tác động tới tình cảm người đọc, tăng sức thuyết phục.

3. Khẳng định Đại La là nơi tốt nhất để định đô

- Lợi thế của thành Đại La:

+ Về vị trí địa lí: ở nơi trung tâm trời đất; thế rồng cuộn hổ ngồi. Đứng ngòi nam bắc đông tây; tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng.

+ Về vị thế chính trị, văn hóa: là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương; là kinh đô bậc nhất...

- Cách diễn đạt:

+ Câu văn biến ngẫu, kết cấu chặt chẽ, rõ ràng.

+ Kết hợp lí và tình đặc sắc, lập luận giàu sức thuyết phục.

+ Câu đối thoại -> sự đồng cảm giữa đức vua và thần dân -> mang tính chất dân chủ, giàu sức thuyết phục.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Lập luận chặt chẽ, kết hợp lí lẽ và tình cảm.

2. Nội dung:

Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.

*** Ghi nhớ/ SGK/51**

CÂU TRẦN THUẬT

I. Đặc điểm hình thức và chức năng.

1. Ví dụ: SGK/45

2. Nhận xét:

+ Chỉ có câu “ôi Tào Khê” là câu cảm thán, các câu còn lại không mang đặc điểm của các kiểu câu đã học.

+ a: câu (1) (2) trình bày suy nghĩ, câu (3) yêu cầu.

+ b : câu (1) kể, câu (2) thông báo

+ c: miêu tả hình thức của cậu cai.

+ d: câu (2) nhận định, câu (3) bộc lộ tình cảm xúc.

***Ghi nhớ:SGK/46**

- Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các loại câu khác; thường dùng để kể, tả, thông báo, nhận định.

- Ngoài ra nó còn có một số chức năng khác: yêu cầu, đề nghị, bộc lộ cảm xúc, mời mọc, chúc mừng...

- Câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm lửng, dấu chấm than.

- Đây là kiểu câu cơ bản, được sử dụng phổ biến nhất.

II. Luyện tập

HS làm BT ở SGK

CÂU PHỦ ĐỊNH

I. Đặc điểm hình thức và chức năng

1. Ví dụ 1,2:SGK/52

2. Nhận xét.

VD1:

- Về hình thức: Câu b,c,d khác câu a có các từ phủ định: không, chưa, chẳng

- Về chức năng:

a: Khẳng định sự việc

b: Phủ định (thông báo, xác nhận sự việc đó là không diễn ra.)

VD2:

- Câu có từ phủ định: không phải...; đâu có...

- Dùng để phủ định (bác bỏ ý kiến, nhận định.)

* **Ghi nhớ: SGK/ 53.**

II. Luyện tập

HS làm BT sgk

Văn bản: HỊCH TƯỚNG SĨ

(Trần Quốc Tuấn)

I. Đọc- chú thích

1. Chú thích

a. Tác giả

- Trần Quốc Tuấn (1231- 1300) là người có phẩm chất cao đẹp, là người có tài năng, văn võ song toàn, là người có công lao lớn trong các cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên.

- Là danh tướng kiệt xuất của dân tộc ta thế kỉ XIII.

b. Tác phẩm

- Được viết khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần II, nhằm mục đích khích lệ tinh thần của tướng sĩ

- Hịch: là thể văn nghị luận do vua, hoặc tướng lĩnh viết dùng để cổ động, thuyết phục hay kêu gọi đấu tranh. Hịch được viết theo thể văn biền ngẫu, có kết cấu chặt chẽ, có lí lẽ sắc bén.

- Bố cục bài Hịch tướng sĩ :

P1: từ đầu đến “còn lưu tiếng tốt”: nêu gương trung thần nghĩa sĩ trong lịch sử để khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước.

P2: Tiếp theo đến “vui lòng”: tội ác của kẻ thù đồng thời nói lên lòng căn thù giặc.

P3: Tiếp theo đến “có được không”: phân tích phải trái để khích lệ tinh thần tướng sĩ.

P4: Phần còn lại: nêu nhiệm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu.

c. Từ khó.

2. Đọc

II. Đọc hiểu văn bản

1. Nêu những tấm gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách

- Phương pháp liệt kê -> Nêu gương -> khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước của quân sĩ.

2. Tội ác, sự ngang ngược của kẻ thù và lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn.

a, Tội ác, sự ngang ngược của kẻ thù.

+ Được liệt tả bằng những hành động cụ thể:

- ...đi lại nghênh ngang
- uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình.
- đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ.
- ...đòi ngọc lụa.
- ...thu bạc vàng, vét của kho.

=> Bằng những hình ảnh ẩn dụ, so sánh, tác giả đã làm nổi bật sự ngang ngược, hung hãn, tham lam, tàn bạo của quân giặc đồng thời thể hiện rõ sự khinh bỉ và lòng căm giận của tác giả đối với quân giặc.

b, Lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn.

- Ta thường...quên ăn...vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm csa chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù...

-> giọng văn thống thiết, dường như tác giả dồn hết tâm huyết, bút lực vào đoạn văn, mỗi chữ mỗi lời như trực tiếp chảy từ trái tim qua ngòi bút lên trang giấy.

-> Bằng một loạt các động từ mạnh và những từ ngữ gợi hình, gợi cảm, đoạn văn đã cho ta thấy nỗi đau xót đến tận xương, lòng căm thù giặc đến bầm gan tím ruột, mong rửa nhục đến mất ngủ, quên ăn, vì nghĩa lớn mà coi thường thân xác.

=> khơi gợi lòng căm thù quân giặc, sự đồng cảm của người tướng sĩ. TQT là tấm gương yêu nước bất khuất.

3. Phân tích phải trái.

* Nêu mối ân tình giữa chủ soái - quân sĩ.

- Vừa là quan hệ chủ-tướng (trên - dưới) -> khích lệ tinh thần trung quân ái quốc.

- Vừa là quan hệ của những người cùng cảnh ngộ (bình đẳng) -> khích lệ lòng ân nghĩa thủy chung, đồng cam cộng khổ.

* Phân tích những sai lầm của tướng sĩ:

-...*nhìn chủ nhục mà không biết lo*

-...*nước nhục...không biết thẹn*

-*đãi yến nguy sứ...không biết căm*

-*lấy việc chọi gà, đánh bạc...*

-*lo làm giàu...ham săn bắn...*

-> Liệt kê, điệp ngữ -> chỉ ra lối sống cầu an hưởng lạc, quên danh dự, bỏn phận mà chỉ mưu cầu lợi ích cá nhân của các tướng sĩ.

- Hậu quả của những sai lầm: nước mất nhà tan, thanh danh ô nhục.

*Khuyên răn tướng sĩ:

- *nhớ câu "đặt mồi lửa vào dưới đồng củi" là nguy cơ.*

- *"kiêng canh nóng mà thổi rau nguội" làm răn sợ.*

-> biết cảnh giác, lo xa.

- *huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên..*

->tăng cường võ nghệ

- Kết quả: chống được giặc ngoại xâm, giữ được nước nhà, thanh danh được lưu truyền.

4. Kêu gọi tướng sĩ

- Vạch rõ hai con đường chính và tà, sống và chết để thuyết phục tướng sĩ.

- Thái độ dứt khoát hoặc là địch hoặc là ta ->có giá trị động viên tới mức cao nhất ý chí và quyết tâm chiến đấu của quân sĩ.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén.

2. Nội dung:

- Bài hịch là tiếng nói khích lệ lòng yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù.

* *Ghi nhớ/ SGK/51*